



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số: 613.2022/QĐ - VPCNCL ngày 28 tháng 07 năm 2022
của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng Thử nghiệm Hiệu chuẩn**

Laboratory: **Experiment Calibration Laboratory**

Cơ quan chủ quản: **Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP – Công ty dịch vụ Khí**

Organization: **PetroVietnam Gas Services Company**

Lĩnh vực thử nghiệm: **Cơ, Điện – Điện tử**

Field of testing: **Mechanical, Electrical - Electronics**

Người quản lý/ Laboratory manager: **Hoàng Năng Hải**

Người có thẩm quyền ký/ Approved signatory:

TT	Họ và tên/ Name	Phạm vi được ký/ Scope
1.	Lê Diệp Bình	Các phép thử được công nhận/ Accredited tests
2.	Hoàng Năng Hải	
3.	Nguyễn Duy Tùng	
4.	Nguyễn Văn Khai	

Số hiệu/ Code: **VILAS 389**

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: **10/05/2025**

Địa chỉ/ Address: **101 Lê Lợi, phường Thắng Nhì, thành Phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**
101 Le Loi street, Thang Nhi ward, Vung Tau city, Ba Ria - Vung Tau province

Địa điểm/Location: **Khu công nghiệp Đông Xuyên, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu**
Dong Xuyen Industrial Zone, Ba Ria-Vung Tau Province

Điện thoại/ Tel: **0254 3586 376 Ext 3926**

Fax: **0254 3563 180**

E-mail: **dvk-lab@pvgas.com.vn**

Website: **www.pvgas.com.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 389****Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ (x)***Field of testing: Mechanical (x)*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Van an toàn <i>Safety Valves</i>	Thử áp suất đóng mở van <i>Measuring set and resetting pressure</i>	< 150 bar	DVK.LAB.TM.11

Lĩnh vực thử nghiệm: Điện – Điện tử (x)*Field of testing: Electrical – Electronics (x)*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Aptômat điện áp tới 1000 VAC (1500 VDC) <i>Circuit breakers up to 1000VAC (1500VDC)</i>	Thử đặc tính cắt ngắn mạch làm việc danh định <i>Functional testing for shortcircuit protection</i>	10 A ~ 10 kA (0,1 ~ 9999) s	DVK.LAB.TM.14
2.		Thử tính năng cắt quá tải <i>Functional testing for overload protection</i>	10 A ~ 10 kA (0,1 ~ 9999) s	
3.	Role điện nhiệt <i>Thermal electric relays</i>	Thử đặc tính cắt quá tải <i>Functional testing for overload protection</i>	10 A ~ 10 kA (0,1 ~ 9999) s	DVK.LAB.TM.18
4.	Hệ thống nối đất <i>Earthing system</i>	Đo điện trở nối đất (x) <i>Measurement of earthing</i>	(0 ~ 2000) Ω	DVK.LAB.TM.20 TCXDVN 46-2007 TCVN 9385:2012

Ghi chú / Notes:

- DVK.LAB.TM.: Phương pháp thử do PTN xây dựng/ *Laboratory developed method*
- (x): phép thử có thực hiện ở hiện trường/ *Mark (x) for on-site tests*